

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-10-2019

V/v: Ly hôn giữa bà H và ông T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

2. Ông Cầm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 21 đường Ngô Q, phường Lộc Ph, thành phố B, tỉnh lâm Đồng.

Bị đơn: ông Nguyễn Ngọc Kỷ T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 109/11 đường Trần Bình T, phường Lộc Ph, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa H có mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc Kỷ T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1998, đã có 01 con chung. Đến năm 2000 bà và ông T mới đi đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật tại UBND phường Lộc Ph, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 28/12/2000. Hôn nhân tự nguyện không ai bị ép buộc.

Quá trình chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T ăn chơi, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy, vẫn tiếp tục bài bạc làm bà đã phải trả nợ cho ông T nhiều lần. Do vợ chồng mâu thuẫn nên bà đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2019 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà thấy không còn tình cảm gì với ông T, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Thuy D, sinh ngày 15/6/1999 và Nguyễn Phạm Quốc D, sinh ngày 28/3/2001. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung; nợ riêng: Bà khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Kỷ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Thúy H chung sống và đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông có chơi bài bạc làm thiệt hại kinh tế của gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã. Do mâu thuẫn nên bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 04/2019 cho đến nay, ông đã biết nhận ra sai lầm và hứa sẽ sửa chữa không tái phạm nữa. Ông cũng đã gặp và điện thoại cho bà H để xin bà H trở về chung sống nhưng bà H không đồng ý. Nay ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu thương bà H và mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung như bà H trình bày là đúng. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông khai không có.

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2019 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt. Do vậy, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thúy H đối với ông Nguyễn Ngọc Kỳ T là có căn cứ chấp nhận; Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét; Về con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét; Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Kỳ T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Ngọc Kỳ T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông T có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T ăn chơi, bài bạc làm thiệt hại kinh tế của gia đình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tại phiên tòa bà H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông T vì không còn tình cảm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do ông T ăn chơi, bài bạc dẫn đến nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, do đó vợ chồng đã mâu thuẫn nên mỗi người đã sống một nơi từ đầu năm 2019 cho đến nay. Mặt khác ông T trình bày từ khi bà H về nhà mẹ ruột sinh sống thì ông có gặp và gọi điện thoại năn nỉ bà H trở về chung sống nhưng bà H không đồng ý và cương quyết ly hôn với ông. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Thụy D, sinh ngày 15/6/1999 và Nguyễn Phạm Quốc D, sinh ngày 28/3/2001. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà H và ông T khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Ngọc Kỷ T.

2. Về con chung: Hai con chung của ông T và bà H đều đã trên 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H và ông T đều khai không có.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005392 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường Lộc Phát, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền